TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 128/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2019
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Rạt;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 530/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2019 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị TH, sinh năm 1988, có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Phan Tấn Đ, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Cùng Ô B, khu T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/5/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Trương Thị TH trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Phan Tấn Đ là vợ chồng, sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống không hợp, không đem lại hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng rạn nứt khó mong hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Phan Tấn Đ.

Con chung: Bà và ông Đ sống với nhau có 01 con chung tên Phan Khánh N, sinh ngày 16/02/2017, hiện nay cháu Khánh N sống với bà do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Phan Tấn Đ trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà TH về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà TH trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có mâu thuẫn những chuyện nhỏ trong gia đình, nay ông còn thương vợ, thương con không đồng ý ly hôn, ông hứa sẽ thay đổi, khắc phục nhược điểm để

chăm lo cho gia đình, trường hợp Tòa án cho cho ly hôn ông đồng ý để con chung cho bà TH trực tiếp nuôi dưỡng ông không cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, bà Trương Thị TH yêu cầu xin được ly hôn với ông Phan Tấn Đ, xét thấy đây là vụ án hôn nhân gia đình, thẩm quyền căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị TH và ông Phan Tấn Đ cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/6/2015 (số 94/2015, quyển số 01/2015) nên quan hệ hôn nhân của bà TH và ông Đ được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[3] Bà TH cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do ông Đ ham mê cờ bạc không quan tâm chăm sóc gia đình, từ đó vợ chồng ly thân từ năm 2018. Nay bà TH yêu cầu xin ly hôn ông Đ. Đối với ông Đ ông không đồng ý ly hôn ông yêu cầu được đoàn tụ.

Qua lời trình bày của các bên. Xét thấy, về tình cảm vợ chồng bà TH cho rằng bà và ông Đ đã mâu thuẫn, ông Đ cũng thừa nhận việc này, chứng tỏ rằng về tình cảm vợ chồng giữa bà TH và ông Đ là có mâu thuẫn thật sự, bà TH yêu cầu ly hôn ông Đ không đồng ý, bà TH và ông Đ thừa nhận cả hai đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, ông Đ không đến hàn gắn lại được tình cảm vơ chồng cũng như tại Tòa ông yêu cầu hành gắn tình cảm nhưng không đưa ra được phương hướng khắc phục mâu thuẫn giữa ông và bà TH, để bà TH tha thứ bỏ qua về lại chung sống với ông. Mặt khác, tại Tòa bà TH vẫn cương quyết ly hôn với ông Đ. Từ đó thấy, rằng mâu thuẫn giữa bà TH và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 cho bà TH được ly hôn với ông Đ

Về con chung cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung bà TH và ông Đ thống nhất thỏa thuận, con chung bà TH được trực tiếp nuôi cháu Phan Khánh N, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2017, về cấp dưỡng nuôi con ông Đ không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận của bà TH và ông Đ không trái luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trường hợp sau này có tranh chấp với nhau về quyền nuôi con, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì được yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị TH phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận theo đơn khởi kiện của bà Trương Thị TH đối với ông Phan Tấn Đ.

Về hôn nhân: Bà Trương Thị TH được ly hôn với ông Phan Tấn Đ.

Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Trương Thị TH được quyền trực tiếp nuôi cháu Phan Khánh N, sinh ngày 16/02/2017. Ông Phan Tấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với ông Đ, không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể thay đổi tình trạng nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Trương Thị TH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004729 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã T
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.